TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2021/HN - ST
Ngày: 22/4/2021
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Lình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ và bà Hồ Thị Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/02/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXX - HN ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp TQ, xã ĐTh, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. (*Có đơn xin vắng mặt*)

* *Bị đơn:* Anh Lưu Văn Đ, sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp KQB, xã VKh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. (*Có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày và yêu cầu như sau*: Chị và anh Lưu Văn Đ chung sống với nhau từ năm 2009. Anh chị có thực hiện viêc đăng ký kết hôn và được UBND xã VKh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/4/2010. Sau khi đám cưới, chị và anh Đ về sinh sống tại ấp KQB, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, trong sinh hoạt hằng ngày vợ chồng thường hay cự cãi, mỗi khi anh Đ nhậu say về là chửi và đánh đập chị vô cớ, anh không lo làm ăn và không lo cho vợ con. Do xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Thanh Đ1, (*sinh ngày*

07/3/2010), hiện nay cháu đang chung sống cùng anh Đ. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu Đ1 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L xác nhận không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lưu Văn Đ khai như sau:* Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2009 qua sự mai mối của người quen. Anh chị có thực hiện việc đăng ký kết hôn và được UBND xã VKh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/4/2010. Anh Đ xác nhận, trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là Lưu Thanh Đ hiện nay đang chung sống cùng anh, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm và thời gian vợ chồng ly thân là từ năm 2017 đến nay không hàn gắn được.

Nay, anh đồng ý ly hôn với chị L; yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ1, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- *Chị L và anh Đ:* Vắng mặt.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị L được ly hôn với anh Đ; giao con chung cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu; án phí chị L chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Võ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lưu Thanh Đ là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình. Khi chị L khởi kiện được Tòa án thụ lý vụ án giải quyết thì anh Đ đang cư trú và sinh sống tại ấp KQB, xã VKh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua yêu cầu của đương sự trong vụ án được xác định mối quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định và triệu tập chị L và anh Đ tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng xét thấy anh chị đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên

HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND xã VKh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/4/2010 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh Đ, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh Đ xác nhận trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi, luôn bất đồng quan điểm với nhau, anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay và qua xác minh tại nơi cư trú, cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn như anh chị trình bày là đúng.

Đồng thời, anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị L nhưng tại phiên tòa anh chị đều vắng mặt nên không thể ghi nhận việc thuận tình ly hôn của anh chị.

Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho chị L được ly hôn với anh Đ.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh Đ xác nhận có 01 con chung là cháu Lưu Thanh Đ1 (sinh ngày 07/3/2010), hiện nay cháu đang chung sống cùng anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có yêu cầu được nuôi cháu Đ1 và chị L đồng ý giao cháu Đ1 cho anh Được tiếp tục nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy, yêu cầu này của anh Đ phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ1 (*theo nội dung đơn trình bày nguyện vọng ngày 08/01/2021*) nên HĐXX thống nhất tiếp tục giao cháu Đ1 cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Nhưng khi cần thiết, anh Đ có quyền yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết, chị L và anh Đ xác nhận không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét. Nhưng sau khi ly hôn, trường hợp có phát sinh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn có nghĩa vụ liên đới.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị L phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn Đ.

2/ *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Lưu Thanh Đ1, sinh ngày 07/3/2010 (*theo nguyện vọng của cháu*) cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nhưng khi cần thiết, anh Đ có quyền yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Võ Thị L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu 0006232 ngày 04/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp án phí xong.

4/ *Quyền kháng cáo*: Chị L và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện An Minh;
- UBND xã VKh;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.